TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng.**
2. Ông **Đỗ Tứ Hải.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2018/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về "***Tranh chấp hợp đồng mua bán***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Kim Ph**, sinh năm 1966 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Rạch Ng, xã Trung H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị U**, sinh năm: 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Nhơn Ng1, xã Hiếu Ph1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Lan** H2, sinh năm: 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Nhơn Ng1, xã Hiếu Ph1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ph trình bày:

Trước đây bà **U** có nhiều lần mua thiếu vật tư nông nghiệp tại cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà cụ thể như sau:

Lần 1 vào ngày 12/01/2017 thiếu 2.960.000đ.

Lần 2 vào ngày 05/5/2017 thiếu 2.378.000đ.

Lần 3 vào ngày 06/5/2017 thiếu 6.690.000đ.

Lần 4 vào ngày 06/5/2017 thiếu 5.040.000đ.

Lần 5 vào ngày 07/5/2017 thiếu 800.000đ.

Lần 6 vào ngày 08/5/2017 thiếu 4.125.000đ.

Lần 7 vào ngày 24/5/2017 thiếu 1.180.000đ.

Lần 8 vào ngày 26/5/2017 thiếu 420.000đ.

Lần 9 vào ngày 28/6/2017 thiếu 165.000đ.

Lần 10 vào ngày 02/6/2017 thiếu 2.820.000đ.

Lần 11 vào ngày 02/6/2017 thiếu 640.000đ.

Lần 12 vào ngày 05/6/2017 thiếu 308.000đ.

Lần 13 vào ngày 19/6/2017 thiếu 2.560.000đ.

Tổng cộng 13 lần bà **U** nợ bà Ph số tiền là 30.086.000đ.

Vào ngày 01/7/2017 bà **U** trả cho bà Ph được số tiền là 5.328.000đ. Đến ngày 30/12/2017 bà **U** tiếp tục trả cho bà Ph được số tiền là 14.758.000đ. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền đã trả thì bà **U** còn nợ lại bà Ph số tiền là 10.000.000đ

Nay bà Ph yêu cầu bà Lê Thị **U** phải trả lại cho bà số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngoài ra, bà Ph không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà Lê Thị **U** trình bày:

Trước đây bà **U** có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của bà Ph, tổng tiền còn nợ bà Ph số tiền là 24.000.000đ (thời gian cụ thể của từng lần mua vật tư nông nghiệp thì bà **U** không nhớ). Sau đó bà **U** đã trả cho bà Ph hết số tiền trên thành 02 lần. Lần 01 trả 10.000.0000đ, lần 02 trả là 14.000.000đ. Lần 01 do bà trực tiếp trả, lần 02 bà nhờ chị Nguyễn Thị Lan H2 trả giùm. Các lần trả tiền đã quá lâu nên bà **U** không nhớ thời gian cụ thể của từng lần trả.

Nay bà **U** không không đồng ý theo yêu cầu của bà Ph bởi vì bà đã trả tiền hết cho bà Ph rồi.

* Người làm chứng chị Nguyễn Thị Lan H2 trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng với bà Ph và bà **U** mà chỉ là quen biết với nhau. Chị có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà Ph để trả giùm tiền vật tư nông nghiệp cho bà **U**, thời

gian thì chị không nhớ, số tiền cụ thể chị cũng không nhớ chỉ nhớ là hơn 10.000.000đ, khi trả tiền cho bà Ph thì bà Ph có nói với chị là bà **U** còn nợ bà Ph số tiền 10.000.000đ, chị có điện thoại cho bà **U** thì bà **U** nói đã trả số tiền 10.000.000đ cho bà Ph rồi, sau đó chị có nói lại cho bà Ph thì bà Ph nói để bà Ph ra biên lai cho chị. Bà Ph đã ra 02 biên lai, 01 biên lai ghi số tiền 10.000.000đ, 01 biên lai ghi số tiền mà chị đã trả cho bà Ph. 02 biên lai do chị giữ nhưng vài tháng sau chị nghỉ đã trả tiền rồi nên đã bỏ thất lạc hai biên lai, hiện nay 02 biên lai trên không còn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: đề nghị Hội đồng xem xét quyết định:

Áp dụng Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430; 440 BLDS năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ph.

Buộc bà Lê Thị **U** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Kim Ph số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 10.000.000đ.

Về án phí: Bà **U** phải nộp 500.000đ.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 bản khai ý kiến ngày 18/02/2019 và 13 hóa đơn.

Bị đơn bà đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Kim Ph có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán giữa bà và bà Lê Thị **U**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà Ph và bà **U** được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Bà Ph trình bày bà **U** nhiều lần mua vật tư nông nghiệp tại của hàng của bà tính đến nay còn nợ lại số tiền là 10.000.000đ nên bà Ph yêu cầu bà **U** phải trả lại cho bà số tiền này. Bà **U** không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Ph, bà **U** thừa nhận trước đây có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của bà Ph và còn nợ lại tổng số tiền là 24.000.000đ nhưng bà đã trả cho bà Ph hết số tiền nợ trên thành 02 lần, lần 01 do bà **U** trả là 10.000.000đ và lần 2 nhờ chị H2 trả số tiền là 14.000.000đ.

Xét thấy, bà **U** thừa nhận còn nợ bà Ph tiền mua vất tư nông nghiệp là 24.000.000đ nhưng bà đã trả cho bà Ph thành 02 lần, lần 01 do bà **U** trả là 10.000.000đ và lần 2 nhờ chị H2 trả số tiền là 14.000.000đ. Chị H2 xác nhận có đến gặp bà Ph để trả tiền giùm bà **U**, nhưng chị H2 lại không nhớ số tiền trả cụ thể là bao nhiêu, khi trả tiền thì bà Ph có nói còn nợ 10.000.000đ nên chị H2 điện thoại bà **U**, bà **U** nói trả rồi, chị H2 nói lại cho bà Ph rồi bà Ph ra biên lai đã trả xong tiền. Bà **U** và chị H2 không cung cấp được biên lai của bà Ph viết và cũng không trình bày được các móc thời gian cụ thể của các lần trả tiền, ngoài lời trình bày bà **U** không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà **U** đã trả cho bà Ph số tiền 10.000.000đ. Do đó, bà Ph yêu cầu bà **U** trả lại số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà **U** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Ph.

Buộc bà Lê Thị **U** phải trả lại cho bà Nguyễn Kim Ph số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị **U** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Kim Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kim Ph số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số N^{o} 0009453, ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cụcTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh